

TỜ TRÌNH

Về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Công văn số 9849/BKHĐT-TH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc bổ sung vốn từ dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 cho một số bộ và địa phương thực hiện dự án cấp bách.

Thực hiện theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án. Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai đến các Chủ đầu tư để tổ chức thực hiện.

Tuy nhiên, theo Công văn số 9849/BKHĐT-TH ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có thông báo danh mục kế hoạch vốn năm 2019 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2019 là 190.000 triệu đồng, cụ thể:

- Các dự án xử lý sạt lở cấp bách bờ sông là 170.000 triệu đồng, gồm:
 (1) Xử lý sạt lở bờ sông Hậu bảo vệ Quốc lộ 91 đoạn qua xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú (vốn bố trí 140.000 triệu đồng); (2) Kè chống sạt lở bờ sông Cái Sắn, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên (vốn bố trí 30.000 triệu đồng).

- Các dự án bố trí ổn định dân cư, di dân tự do là 20.000 triệu đồng, gồm:
 (1) Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú (vốn bố trí 5.000 triệu đồng); (2) Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông, huyện Tịnh Biên (vốn bố trí 15.000 triệu đồng).

Đồng thời theo kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020 tại Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 8472/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó: Vốn bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án dự kiến sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ việc điều chỉnh giảm nguồn vốn bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia là 142.500 triệu đồng, gồm:

- Các dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020: 57.500 triệu đồng (trong đó dự kiến các dự án: Cùm, tuyến dân cư; Kè chống sạt lở sông Hậu, đoạn từ Cần Xây – Nhà máy thủy sản Long Giang, thành phố Long Xuyên; Kè chống sạt lở sông Tiền bảo vệ dân cư khu vực thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân; Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ sông Hậu đoạn qua xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới).

- Các dự án sử dụng nguồn 10.000 tỷ đồng từ việc điều chỉnh giảm nguồn vốn bố trí các dự án quan trọng quốc gia: 85.000 triệu đồng (trong đó dự kiến các dự án: Kè chống sạt lở sông Hậu, đoạn qua xã Châu Phong, thị xã Tân Châu; Nâng cấp hệ thống đê cấp III vùng Đông kênh Bảy xã, thị xã Tân Châu; Kè bảo vệ thị trấn Long Bình (sông Bình Di), huyện An Phú; Đê bao vùng Đông kênh 7 xã; Dự án tuyến dân cư Phú Hiệp – Hòa Lạc, huyện Phú Tân).

Như vậy, đối với các nguồn vốn nêu trên đều là nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh thực hiện các dự án quan trọng, bức xúc, cấp bách, có tác động lan tỏa tại địa phương; đối với các dự án mới, sau khi được quyết định chủ trương đầu tư sẽ được bố trí kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư dự án để làm cơ sở xây dựng danh mục dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 7 Điều 17 và Khoản 2 Điều 27 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Theo nội dung tại Khoản 4 Điều 51 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

cho dự án trong ngành, lĩnh vực, việc bố trí vốn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: “a) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; b) Vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; c) Vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; d) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; đ) Dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; e) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều này”.

Đối chiếu quy định nêu trên, các dự án nhóm B có sử dụng nguồn vốn bổ sung từ ngân sách Trung ương, do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; đối với các dự án mới sau khi được quyết định chủ trương đầu tư sẽ được Trung ương ưu tiên bố trí vốn chuyển tiếp thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 theo tiến độ dự án được phê duyệt.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư một số dự án mới, bên cạnh đó qua rà soát đến nay có một số dự án cần phải điều chỉnh, bổ sung quy mô, tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn cho phù hợp với tình hình thực tế... nên cần phải tổng hợp, trình thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 13 (bất thường) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021 như sau:

I. Về nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ 13 (bất thường) Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 13 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là **3.113.530 triệu đồng** (trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ 2.999.266 triệu đồng; ngân sách định phương 114.264 triệu đồng). Cụ thể:

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ: 11 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư là 2.999.266 triệu đồng.

(1) Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu: chiều dài 1.148m, tổng mức đầu tư 383.000 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(2) Xử lý sạt lở sông Hậu bảo vệ Quốc lộ 91 đoạn qua huyện Châu Phú: chiều dài 1.510m, tổng mức đầu tư 165.000 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2021.

(3) Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giai đoạn 2, huyện Tịnh Biên và Tri Tôn: chiều dài 20,3km, tổng mức đầu tư 1.084.205 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(4) Đường kênh Long Điền A-B, huyện Chợ Mới: chiều dài 27.200m, tổng mức đầu tư 499.000 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(5) Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, xã Khánh An, huyện An Phú: diện tích 6,3ha, đầu tư bố trí 407 nền; tổng mức đầu tư 119.525 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(6) Dự án bố trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông, huyện Tịnh Biên: diện tích 10,7ha, đầu tư bố trí 504 nền; tổng mức đầu tư 99.998 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(7) Khu tái định cư để di dời các hộ dân trong vùng sạt lở thành phố Châu Đốc: diện tích 6,06ha, đầu tư bố trí 429 nền; tổng mức đầu tư 134.963 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(8) Tuyển dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (giai đoạn 1), thị xã Tân Châu: diện tích 9,07ha, đầu tư bố trí 422 nền; tổng mức đầu tư 92.980 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(9) Khu dân cư sạt lở ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú: diện tích 28,3ha; đầu tư bố trí 422 nền; tổng mức đầu tư 168.487 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(10) Tuyển dân cư Phú An, xã Phú An, huyện Phú Tân: diện tích 12,2ha, đầu tư bố trí 500 nền; tổng mức đầu tư 150.766 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

(11) Cụm dân cư ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới: diện tích 8,1ha, đầu tư bố trí 251 nền; tổng mức đầu tư 99.342 triệu đồng, thời gian thực hiện 2020 - 2024.

b) Ngân sách địa phương: 114.264 triệu đồng (trong đó: ngân sách tỉnh 87.763 triệu đồng; ngân sách huyện 26.501 triệu đồng).

(1) Trường THCS Lê Hưng Nhượng, xã Hội An, huyện Chợ Mới: tổng diện tích 13.106 m²; xây dựng mới: 24 phòng học, khối hành chính quản trị + phục vụ học tập + 06 phòng bộ môn, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, nước sạch, trang thiết bị; tổng mức đầu tư 54.922 triệu đồng; thời gian thực hiện 2020 - 2023.

(2) Trường THCS Nguyễn Văn Tây, Hòa Bình, huyện Chợ Mới: tổng diện tích 15.000m²; xây dựng mới: 26 phòng học, khối phòng học bộ môn, khối hành chính quản trị, phục vụ học tập, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, nước sạch, trang thiết bị; tổng mức đầu tư 59.342 triệu đồng; thời gian thực hiện 2020 - 2023.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 (ngân sách tỉnh) tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, với tổng mức đầu tư là **621.228 triệu đồng**, cụ thể:

(1) Xây dựng cầu Nguyễn Thái Học, thành phố Long Xuyên: điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 186.325 triệu đồng thành 200.760 triệu đồng (tăng 14.435 triệu đồng), do bổ sung quy mô đầu tư: thêm 02 làn bộ hành cho người đi bộ của hạng mục cầu di dời đường Lê Hồng Phong (mỗi bên 1,5m).

(2) Trường dân tộc nội trú THCS Tri Tôn: tổng mức đầu tư dự án 50.661 triệu đồng, điều chỉnh thời gian thực hiện dự án hết năm 2021; do bổ sung quy

mô đầu tư cải tạo: khối 08 phòng học (khối số 2), khối 16 phòng học (khối số 3), khối 02 phòng thiêu may (khối số 6), nhà thi đấu (khối số 10) nhưng không làm tăng tổng mức đầu tư dự án.

(3) Bệnh viện Sản - Nhi An Giang (Giai đoạn I: Khối sản 200 giường): điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư dự án từ 265.048 triệu đồng thành 369.807 triệu đồng (tăng 104.759 triệu đồng) và điều chỉnh thời gian thực hiện dự án năm 2017 – 2021; do bổ sung thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo phụ lục danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020.

3. Cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án:

Dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang: sử dụng nguồn vốn ODA vay của Chính phủ Áo, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất tại Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2020, trong đó:

- Tổng mức đầu tư dự án: 16.500.000 Euro tương đương 440.005 triệu đồng, trong đó: vốn ODA của Chính phủ Áo (khoảng 90%) 15.000.000 Euro tương đương 400.005 triệu đồng; vốn đối ứng ngân sách tỉnh (10%): 1.500.000 Euro tương đương 40.000 triệu đồng.

- Cơ chế tài chính trong nước: ngân sách Trung ương cấp phát 60%; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ký hợp đồng với Bộ Tài chính vay lại 40%.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 17 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 thì dự án nêu trên thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 84 và Khoản 8 Điều 25 Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019: Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án trước khi trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến về báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang: quy mô đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế, tổng mức đầu tư 440.005 triệu đồng, thời gian thực hiện 2021 - 2023.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

II. Về thông tin mỗi dự án bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án;
2. Chủ đầu tư;
3. Địa điểm đầu tư;
4. Mục tiêu đầu tư;
5. Phạm vi;
6. Quy mô đầu tư;
7. Tổng mức đầu tư;
8. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư;
8. Thời gian thực hiện;
9. Tiến độ thực hiện;
10. Dự kiến kế hoạch vốn bố trí;
11. Cơ chế và giải pháp;
12. Chính sách thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- HDND tỉnh;
- TT.TU, UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, P. KTN, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
 (Đính kèm Tờ trình số 130 /TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
TỔNG CỘNG							3.113.530	2.999.266	87.763	26.501	0						
Dự án nhóm B							3.113.530	2.999.266	87.763	26.501	0						
I Thủy lợi																	
1	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu	TP. Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Xây dựng kè chống sạt lở	1.148 m	Nhằm khắc phục tình trạng sạt lở, ngập úng do biến đổi khí hậu gây ra; đồng thời đảm bảo an toàn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân cư khu vực trên địa bàn thành phố, tạo cảnh quan đô thị, bảo vệ thành phố Châu Đốc.	383.000	383.000	0	0	0	2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công	
							1.750.205	1.750.205	0	0	0						
II Giao thông vận tải																	
1	Xử lý sạt lở sông Hậu bảo vệ QL91 đoạn qua huyện Châu Phú	H. Châu Phú	BQLDA ĐTXD CTGT	Khắc phục sạt lở, khôi phục mặt đường đảm bảo giao thông và gia cố phòng, chống sạt lở Quốc lộ 91	1.350m	Ngăn chặn và giảm thiểu hiện tượng sạt lở đường bờ, bảo vệ cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ giúp giao thông trên Quốc lộ 91 được thông suốt và liên tục, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, du lịch của địa phương và khu vực.	165.000	165.000				2020-2021	2 năm	140.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 140.000 triệu đồng	Luật Đầu tư công	
2	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giải đoạn 2	H. Tịnh Biên và Tri Tôn	UBND Tỉnh Biên	Nâng cấp, mở rộng đường, bao gồm cả cầu	20,3km	Hoàn thiện việc xây dựng một tuyến đường huyết mạch chạy xuyên suốt, nối liền hai huyện Tịnh Biên - Tri Tôn và QL91, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang, thúc đẩy giao thông biên giới giữa các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực biên giới, gắn việc bảo vệ biên giới với góp phần xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, đảm bảo giao thông thuận lợi giữa các vùng trên địa bàn tỉnh, gắn với sắp xếp bố trí lại dân cư, tạo điều kiện tốt cho việc phát triển bền vững khu du lịch Núi Cấm và các khu du lịch lân cận trong tỉnh và liên tỉnh.	1.086.205	1.086.205				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công	

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						
3	Đường kênh Long Điền A-B	H. Chợ Mới	UBND Chợ Mới	Xây dựng mới tuyến đường, bao gồm cả cầu	Chiều dài 27.200m; xây dựng mới 05 cầu trên tuyến mới. xây dựng mới 04 cầu song hành; cống thoát nước ngang đường	Hoàn chỉnh hệ thống giao thông cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, về lâu dài sẽ thay thế tuyến đường tỉnh 946 hiện nay đang bị sạt lở nghiêm trọng và kết nối mạng lưới giao thông giữa các trung tâm hành chính và các vùng lân cận thuộc tỉnh An Giang và Đồng Tháp	499.000	499.000				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công	
							866.061	866.061	0	0	0						
III Hạ tầng kỹ thuật																	
1	Bổ trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thanh Phú, xã Khánh An	H. An Phú	UBND An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	6,3ha; 407 nền	Hình thành cụm tuyến dân cư trong khu vực, tạo chỗ ở ổn định cho người dân. Kết nối giao thông từ trung tâm xã Khánh An ra Quốc lộ 91, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế xã hội của khu vực.	119.525	119.525				2020-2024	4 năm	5.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 5.000 triệu đồng.		Luật Đầu tư công
2	Bổ trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông	H. Tịnh Biên	UBND Tịnh Biên	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	10,7ha; 504 nền	Bổ trí dân cư biên giới, di dân tự do và đưa dân cư từ nội địa ra sinh sống và phát triển kinh tế dọc biên giới Campuchia.	99.998	99.998				2020-2024	4 năm	15.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 15.000 triệu đồng.		Luật Đầu tư công
3	Khu tái định cư để di dời các hộ dân trong vùng sạt lở thành phố Châu Đốc	TP. Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	6,06ha; 429 nền	Dự án cũng góp phần đáp ứng nhu cầu tái định cư, ổn định đời sống, an toàn tính mạng các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế của địa phương, tốc độ đô thị hóa. Thúc đẩy tăng trưởng giao lưu kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội ngày càng tăng cao.	134.963	134.963				2020-2024	4 năm				Luật Đầu tư công
4	Tuyển dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (giai đoạn 1)	TX. Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	9,07ha; 422 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	92.980				2020-2024	4 năm				Luật Đầu tư công
5	Khu dân cư sạt lở ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	UBND Châu Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	28,3ha; 422 nền	Tạo quỹ đất để di dời khẩn cấp cho các hộ dân trong vùng sạt lở nguy hiểm ứng phó với biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp. Kết nối giao thông, giảm áp lực cho tuyến Quốc lộ 91 phát triển kinh tế xã hội	168.487	168.487				2020-2024	4 năm				Luật Đầu tư công

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
6	Tuyển dân cư Phú An, xã Phú An	H. Phú Tân	UBND Phú Tân	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	12,2ha; 500 nền	Tuyển dân cư Phú An được đầu tư xây dựng với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về nền nhà ở ổn định cho người dân phải di dời hiện trong vùng sát lộ cấp bờ sông Tiên. Đồng thời xây dựng đời sống an cư - lạc nghiệp, tạo động lực thúc đẩy nhân dân nơi đây yên tâm lao động, sản xuất, tạo nguồn thu nhập cho gia đình và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	150.766	150.766				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
7	CDC ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới	Chợ Mới	UBND Chợ Mới	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	8,1ha; 251 nền	Cum dân cư ấp Long Hòa được đầu tư xây dựng với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về bố trí tái định cư cho người dân ở ổn định trong vùng sát lộ cấp bờ sông. Đồng thời xây dựng đời sống an cư - lạc nghiệp, tạo động lực thúc đẩy nhân dân nơi đây yên tâm lao động, sản xuất, tạo nguồn thu nhập cho gia đình và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	99.342	99.342				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
IV Giáo dục và đào tạo								114.264	0	87.763	26.501	0				
1	Trường THCS Lê Hưng Nhượng	Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	Tổng diện tích khu đất khoảng 13.106 m ² , gồm: Xây mới 24 phòng học; Khởi hành chính quản trị + phục vụ học tập + 06 phòng bộ môn, công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, công trình nước sạch, trang thiết bị.	Đầu tư xây dựng các hạng mục mới, cải tạo các hạng mục hiện trạng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới	54.922		44.913	10.009		2020-2023	04 năm	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 40.422 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)	Ngân sách tỉnh và huyện hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công
2	Trường THCS Nguyễn Văn Tây	Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	Diện tích khu đất: 15.000m ² , Khối 26 phòng học; Khối phòng học bộ môn, Khối hành chính quản trị, phục vụ học tập, Công trình phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật, công trình nước sạch, trang thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới các hạng mục góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới, góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh An Giang.	59.342		42.850	16.492		2020-2023	4 năm	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 38.565 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)	Ngân sách tỉnh và huyện hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
 (Đính kèm Tờ trình số 130/TT-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện giải ngân	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chinh sách thực hiện						
								Cơ cấu nguồn vốn đầu tư								Tổng mức đầu tư	Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)						Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chinh sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)																				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23									
TỔNG CỘNG								502.034	186.325	315.709	0	0			621.228	0	621.228	0	0												
Dự án nhóm B								502.034	186.325	315.709	0	0			621.228	0	621.228	0	0												
I Giao thông vận tải								186.325	186.325	0	0	0			200.760	0	200.760	0	0												
I	Xây dựng cầu Nguyễn Thái Học, thành phố Long Xuyên	LX	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	24/NQ-HĐND 08/12/2017	Dài 120m, mặt cắt ngang cầu 16m (bao gồm 4 bộ hành rộng 02m)	Đảm bảo giao thông được thông suốt, kết nối tốt giữa trung tâm hành chính tỉnh và trung tâm hành chính thành phố Long Xuyên, điều hòa giao thông nội thành và kết nối với Đường cao tốc vành đai và khu trung tâm văn hóa Liên hợp thể dự thể thao.	186.325	186.325			0	0	0	2017-2022	05 năm	Dài 120m, mặt cắt ngang cầu 16m (bao gồm 4 bộ hành rộng 02m); bổ sung thêm 02 bộ hành cho người đi bộ của hàng mục cầu đi đôi đường Lê Hồng Phong (mỗi bên 1.5m)	Cầu Nguyễn Thái Học sau khi hoàn thành sẽ mở ra không gian về phía tây góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông trục chính của thành phố Long Xuyên, kết nối khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ và khu hành chính TP. Long Xuyên, phường Mỹ Hòa với Trung tâm hành chính tỉnh, phường Mỹ Bình.	200.760		200.760			2017-2022	05 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 139.959 triệu đồng, phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công				
II Giáo dục và đào tạo								50.661	0	50.661	0	0			50.661	0	50.661	0	0												
I	Trường dân tộc nội trú THCS Tr. Tôn	Tr. Tôn	BQLDA ĐTXD và KV PTQT tỉnh AG	07/NQ-HĐND 19/7/2018	Khối 48 phòng ở nội trú, khối hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia	50.661		50.661					2016-2020	5 năm	Khối 48 phòng ở nội trú, khối hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị. Bổ sung: Các tạo: khối 08 phòng học (khối số 2), khối 16 phòng học (khối số 3), khối 02 phòng thi máy (khối số 6), nhà thi đấu (khối số 10).	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	50.661		50.661			1/1 năm 2021	6 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 38.000 triệu đồng; phần còn lại bố trí năm 2021	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công				
III Y tế								265.048		265.048					369.807		369.807														
I	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang, Giai đoạn 1: Khối sản 200 giường	TPLX	Bệnh viện Sản Nhi AG	24/NQ-HĐND 08/12/2017	Xây mới: Khối nội trú sản quy mô 200 giường quy mô 4 tầng. Khối kỹ thuật nghiệp vụ sản quy mô 4 tầng. Khu phụ trợ xây mới; Cải tạo các khối nhà giữ lại, hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	265.048		265.048					2016-2020	05 năm	Xây mới: Khối nội trú sản quy mô 200 giường quy mô 4 tầng. Khối kỹ thuật nghiệp vụ sản quy mô 4 tầng. Khu phụ trợ xây mới; Cải tạo các khối nhà giữ lại, hạ tầng kỹ thuật; trang thiết bị. Bổ sung thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Góp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	369.807		369.807			2017-2021	05 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 213.543 triệu đồng; giai đoạn 2021-2025 bố trí 119.263 triệu đồng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công				

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC CHO Ý KIẾN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Tờ trình số 130 /TTr-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Trọng đó:								
								Đổi ứng NS tỉnh	Vốn nước ngoài							
Tổng	NS TW cấp phát	NS tỉnh vay lại														
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
	Dự án nhóm B						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
I	Y tế						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
1	Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	LX	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	Đầu tư trang thiết bị y tế	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế	Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Bệnh viện; đảm bảo việc chăm sóc và điều trị các bệnh lý về sản, nhi tương đương với các bệnh viện chuyên khoa của tỉnh và thành phố lớn trong cả nước; từng bước phát triển các kỹ thuật y tế chuyên sâu để tạo điều kiện bình đẳng cho mọi đối tượng bệnh nhân được tiếp cận với các dịch vụ y tế kỹ thuật cao; giảm tải cho các bệnh viện Trung ương; góp phần cải thiện, nâng cao sức khỏe của người dân trong tỉnh và vùng lân cận.	440,005	40,000	400,005	240,003	160,002	2021-2023	03 năm	440,005	Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/07/2018 của Bộ Tài chính. NSTW vay cấp phát cho Dự án 60%; UBND tỉnh An Giang ký hợp đồng với Bộ Tài chính vay lại 40%	Luật Đầu tư công; Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Số: /NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 3 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1706/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, bao gồm:

1. Thống nhất phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư 13 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư 3.113.530 triệu đồng.

2. Thống nhất điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 03 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020, với tổng mức đầu tư 621.228 triệu đồng.

3. Thống nhất báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm B, với tổng mức đầu tư 400.005 triệu đồng, làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trình Thủ tướng Chính phủ.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 và 03 đính kèm)

Điều 2. Các danh mục dự án khác giữ nguyên theo danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018, Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C, sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 – 2020.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa IX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQVN;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm Toán nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND và UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang; Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Tổng hợp.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG CỘNG								3.113.530	2.999.266	87.763	26.501	0				
Dự án nhóm B								3.113.530	2.999.266	87.763	26.501	0				
I	Thủy lợi						383.000	383.000	0	0	0					
1	Kè chống sạt lở bảo vệ thành phố Châu Đốc thích ứng với biến đổi khí hậu	TP. Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Xây dựng kè chống sạt lở	1.148 m	Nhằm khắc phục tình trạng sạt lở, ngập úng do biến đổi khí hậu gây ra; đồng thời đảm bảo an toàn và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng và dân cư khu vực trên địa bàn thành phố, tạo cảnh quan đô thị, bảo vệ thành phố Châu Đốc.	383.000	383.000				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
II	Giao thông vận tải						1.750.205	1.750.205	0	0	0					
1	Xử lý sạt lở sông Hậu bảo vệ QL91 đoạn qua huyện Châu Phú	H. Châu Phú	BQLDA ĐTXD CTGT	Khắc phục sạt lở, khôi phục mặt đường đảm bảo giao thông và gia cố phòng, chống sạt lở Quốc lộ 91	1.350m	Ngăn chặn và giảm thiểu hiện tượng sạt lở đường bờ, bảo vệ cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ giúp giao thông trên Quốc lộ 91 được thông suốt và liên tục, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, du lịch của địa phương và khu vực.	165.000	165.000				2020-2021	2 năm	140.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 140.000 triệu đồng	Luật Đầu tư công
2	Nâng cấp mở rộng khẩn cấp đường tỉnh 948 thuộc tuyến quốc phòng an ninh vùng biên giới và dân tộc giai đoạn 2	H. Tịnh Biên và Tri Tôn	UBND Tỉnh Biên	Nâng cấp, mở rộng đường, bao gồm cả cầu	20,3km	Hoàn thiện việc xây dựng một tuyến đường huyết mạch chạy xuyên suốt, nối liền hai huyện Tịnh Biên – Tri Tôn và QL91, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang, thúc đẩy giao thông biên giới giữa các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long với Campuchia, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực biên giới, gần việc bảo vệ biên giới với góp phần xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, đảm bảo giao thông thuận lợi giữa các vùng trên địa bàn tỉnh, gần với sắp xếp bố trí lại dân cư, tạo điều kiện tốt cho việc phát triển bền vững khu du lịch Núi Cấm và các khu du lịch lân cận trong tỉnh và liên tỉnh.	1.086.205	1.086.205				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
3	Đường kênh Long Điền A-B	H. Chợ Mới	UBND Chợ Mới	Xây dựng mới tuyến đường, bao gồm cả cầu	Chiều dài 27.200m; xây dựng mới 05 cầu trên tuyến mới; xây dựng mới 04 cầu song hành, công thoát nước ngang đường.	Hoàn chỉnh hệ thống giao thông cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, về lâu dài sẽ thay thế tuyến đường tỉnh 946 hiện nay đang bị sạt lở nghiêm trọng và kết nối mạng lưới giao thông giữa các trung tâm hành chính và các vùng lân cận thuộc tỉnh An Giang và Đồng Tháp	499.000	499.000				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
III	Hạ tầng kỹ thuật						866.061	866.061	0	0	0					
1	Bổ trí ổn định dân cư di dân tự do, thiên tai khu vực ấp Thạnh Phú, xã Khánh An	H. An Phú	UBND An Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	6,3ha; 407 nền	Hình thành cụm tuyến dân cư trong khu vực, tạo chỗ ở ổn định cho người dân. Kết nối giao thông từ trung tâm xã Khánh An ra Quốc lộ 91, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và phát triển kinh tế xã hội của khu vực.	119.525	119.525				2020-2024	4 năm	5.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 5.000 triệu đồng.	Luật Đầu tư công
2	Bổ trí ổn định dân cư di dân tự do, biên giới khu vực lộ 20, xã An Nông	H. Tịnh Biên	UBND Tịnh Biên	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	10,7ha; 504 nền	Bổ trí dân cư biên giới, di dân tự do và đưa dân cư từ nơi địa ra sinh sống và phát triển kinh tế dọc biên giới Campuchia.	99.998	99.998				2020-2024	4 năm	15.000	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2019: 15.000 triệu đồng.	Luật Đầu tư công
3	Khu tái định cư để di dời các hộ dân trong vùng sạt lở thành phố Châu Đốc	TP. Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	6,06ha; 429 nền	Dự án cũng góp phần đáp ứng nhu cầu tái định cư, ổn định đời sống, an toàn tính mạng các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế của địa phương, tốc độ đô thị hóa. Thúc đẩy tăng trưởng giao lưu kinh tế, xã hội, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống xã hội ngày càng tăng cao.	134.963	134.963				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
4	Tuyển dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (giai đoạn 1)	TX. Tân Châu	UBND TX Tân Châu	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	9,07ha; 422 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	92.980				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
5	Khu dân cư sạt lở ấp Bình Tân, xã Bình Mỹ	H. Châu Phú	UBND Châu Phú	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	28,3ha; 422 nền	Tạo quỹ đất để di dời khẩn cấp cho các hộ dân trong vùng sạt lở nguy hiểm ứng phó với biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp. Kết nối giao thông, giảm áp lực cho tuyến Quốc lộ 91 phát triển kinh tế xã hội.	168.487	168.487				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
6	Tuyển dân cư Phú An, xã Phú An	H. Phú Tân	UBND Phú Tân	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	12,2ha; 500 nền	Tuyển dân cư Phú An được đầu tư xây dựng với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về nền nhà ở ổn định cho người dân phải di dời hiện trong vùng sạt lở cấp bờ sông Tiền. Đồng thời xây dựng đời sống an cư - lạc nghiệp, tạo động lực thúc đẩy nhân dân nơi đây yên tâm lao động, sản xuất, tạo nguồn thu nhập cho gia đình và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	150.766	150.766				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)					
7	CDC ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới	Chợ Mới	UBND Chợ Mới	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bố trí dân cư	8,1ha; 251 nền	Cụm dân cư ấp Long Hòa được đầu tư xây dựng với cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu về bố trí tái định cư cho người dân ở ổn định trong vùng sạt lở cấp bờ sông. Đồng thời xây dựng đời sống an cư – lạc nghiệp, tạo động lực thúc đẩy nhân dân nơi đây yên tâm lao động, sản xuất, tạo nguồn thu nhập cho gia đình và góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.	99.342	99.342				2020-2024	4 năm			Luật Đầu tư công
IV	Giáo dục và đào tạo						114.264	0	87.763	26.501	0					
1	Trường THCS Lê Hưng Nhượng	Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	Tổng diện tích khu đất khoảng 13.106 m ² , gồm: Xây mới 24 phòng học; Khối hành chính quản trị + phục vụ học tập + 06 phòng bộ môn; công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật; công trình nước sạch, trang thiết bị.	Đầu tư xây dựng các hạng mục mới, cải tạo các hạng mục hiện trạng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới	54.922		44.913	10.009		2020-2023	04 năm	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 40.422 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)	Ngân sách tỉnh và huyện hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công
2	Trường THCS Nguyễn Văn Tây	Chợ Mới	UBND huyện Chợ Mới	Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị	Diện tích khu đất: 15.000m ² ; Khối 26 phòng học; Khối phòng học bộ môn, Khối hành chính quản trị, phục vụ học tập, Công trình phụ trợ; Hạ tầng kỹ thuật, công trình nước sạch; trang thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới các hạng mục góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới, góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh An Giang.	59.342		42.850	16.492		2020-2023	4 năm	Ngân sách tỉnh bố trí giai đoạn 2021-2025 là 38.565 triệu đồng (90% NST hỗ trợ)	Ngân sách tỉnh và huyện hỗ trợ thực hiện đầu tư	Luật Đầu tư công

PHỤ LỤC 02

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B

(Đính kèm Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

BVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung để xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư													
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện
								Vốn NS TW hỗ trợ	Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Vốn NS TW hỗ trợ						Vốn NS Tỉnh	Vốn NS Huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23					
TỔNG CỘNG								582.034	186.325	315.709	0	0			621.238	0	621.238	0	0								
Dự án nhóm B								582.034	186.325	315.709	0	0			621.238	0	621.238	0	0								
I	Giao thông vận tải							186.325	186.325	0	0	0			200.760	0	200.760	0	0								
1	Xây dựng cầu Nguyễn Thái Học, thành phố Long Xuyên	LX	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông	24/NQ-HĐND 08/12/2017	Dài 120m, mặt cầu ngang cầu 16m (bao gồm 8 bộ hành rộng 02m)	Đảm bảo giao thông được thông suốt, kết nối tốt giữa trung tâm hành chính tỉnh và trung tâm hành chính thành phố Long Xuyên, điều hòa giao thông nói chung và nối liền với Đông xa lộ vành đai và khu trung tâm văn hóa Liên hợp thể dự thể thao.	186.325	186.325				2017-2022	05 năm	Dài 120m, mặt cầu ngang cầu 16m (bao gồm 8 bộ hành rộng 02m), bộ song thép 02 là bộ hành cho người đi bộ có hàng mục cầu đi đôi đường Lê Hồng Phong (mỗi bên 1,5m)	Cầu Nguyễn Thái Học sau khi hoàn thành sẽ mở ra không gian và phát huy góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông trục chính của thành phố Long Xuyên, kết nối khu dân cư Tầm Hài Hoàng Hồ và khu hành chính TP Long Xuyên, phường Mỹ Hòa với Trung tâm hành chính tỉnh, phường Mỹ Bình.	200.760		200.760			2017-2022	05 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 139.999 triệu đồng; phần còn lại bố trí giai đoạn 2021-2025	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công		
II	Giáo dục và đào tạo							50.661	0	50.661	0	0			50.661	0	50.661	0	0								
1	Trường dân tộc nội trú THCS Trí Tôn	Trí Tôn	BQLDA ĐTXD và KV PTQT tỉnh AG	07/NQ-HĐND 19/7/2018	Khởi 48 phòng ở nội trú, khởi hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị.	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	50.661		50.661			2016-2020	5 năm	Khởi 48 phòng ở nội trú, khởi hành chính + các phòng học bộ môn, công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị. Bổ sung: Cải tạo: khởi 08 phòng học (khởi số 2), khởi 16 phòng học (khởi số 3), khởi 02 phòng thiếu may (khởi số 6), nhà tù đầu (khởi số 10).	Nhằm góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời để trường từng bước nâng cấp thành trường chuẩn Quốc gia.	50.661		50.661			Hết năm 2021	6 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 38.000 triệu đồng; phần còn lại bố trí năm 2021	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công		
III	Y tế							265.048	-	265.048	-	-			369.807	-	369.807	-	-								
1	Bệnh viện Sơn - Nhi An Giang, Giai đoạn 1: Khởi sân 200 giường)	TPLX	Bệnh viện Sơn Nhi AG	24/NQ-HĐND 08/12/2017	Xây mới: Khởi nội trú sân quy mô 200 giường quy mô 10 tầng. Khởi kỹ thuật nghiệp vụ sân quy mô 4 tầng. Khu phụ trợ xây mới. Cải tạo các khối nhà giữ lại, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị.	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Đáp phần đáp nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	265.048		265.048			2016-2020	05 năm	Xây mới: Khởi nội trú sân quy mô 200 giường quy mô 10 tầng. Khởi kỹ thuật nghiệp vụ sân quy mô 4 tầng. Khu phụ trợ xây mới. Cải tạo các khối nhà giữ lại; hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị. Bổ sung thiết bị kiểm soát nhiễm khuẩn	Đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân trên địa bàn thành phố và các khu vực lân cận. Đáp phần đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh với trình độ y học chất lượng cao và chuyên sâu	369.807		369.807			2017-2021	05 năm	Giai đoạn 2016-2020 bố trí 213.543 triệu đồng; giai đoạn 2021-2025 bố trí 119.283 triệu đồng	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	Luật Đầu tư công		

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC CHO Ý KIẾN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B
 (Đính kèm Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Phạm vi	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư			Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	Dự kiến kế hoạch vốn bố trí	Cơ chế và giải pháp	Chính sách thực hiện	
								Trong đó:								
								Đối ứng NS tỉnh	Vốn nước ngoài							
	Tổng	NS TW cấp phát	NS tỉnh vay lại													
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG CỘNG						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
	Dự án nhóm B						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
I	Y tế						440,005	40,000	400,005	240,003	160,002					
1	Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	LX	Bệnh viện Sản - Nhi An Giang	Đầu tư trang thiết bị y tế	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế	Nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản - Nhi An Giang nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Bệnh viện; đảm bảo việc chăm sóc và điều trị các bệnh lý về sản, nhi tương đương với các bệnh viện chuyên khoa của tỉnh và thành phố lớn trong cả nước; từng bước phát triển các kỹ thuật y tế chuyên sâu để tạo điều kiện bình đẳng cho mọi đối tượng bệnh nhân được tiếp cận với các dịch vụ y tế kỹ thuật cao; giảm tải cho các bệnh viện Trung ương; góp phần cải thiện, nâng cao sức khỏe của người dân trong tỉnh và vùng lân cận.	440,005	40,000	400,005	240,003	160,002	2021-2023	03 năm	440,005	Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/06/2018 của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/07/2018 của Bộ Tài chính. NSTW vay cấp phát cho Dự án 60%; UBND tỉnh An Giang ký hợp đồng với Bộ Tài chính vay lại 40%	Luật Đầu tư công, Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài